

Bản án số: **83/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 21/9/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Nghệ
2. Ông Trần Hữu Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/8/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm x, xã N, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Mai Xuân Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Mai Xuân Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Xuân Q tổ chức lễ cưới vào năm 1997. Tuy nhiên, ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng bà về làm ăn và chung sống tại thôn V, xã V, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, do bà và ông Q không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 28/11/1998; cháu Mai Xuân T, sinh ngày 27/01/2000 và cháu Mai Hương G, sinh ngày 10/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Mai Xuân Q không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T, không công nhận bà Vũ Thị T và ông Mai Xuân Q là vợ chồng. Về con chung: Các đương sự có 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 28/11/1998; cháu Mai Xuân T, sinh ngày 27/01/2000 và cháu Mai Hương G, sinh ngày 10/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm bà Vũ Thị T phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bị đơn ông Mai Xuân Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã V, huyện Sơn

Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Ông Mai Xuân Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 1997 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Mai Xuân Q vợ là Vũ Thị T đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”.

Bà Vũ Thị T và ông Mai Xuân Q chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận bà Vũ Thị T và ông Mai Xuân Q là vợ chồng.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn bà Vũ Thị T khai có 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 28/11/1998; cháu Mai Xuân T, sinh ngày 27/01/2000 và cháu Mai Hương G, sinh ngày 10/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Bà Vũ Thị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Mai Xuân Q không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn* đối với ông Mai Xuân Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vũ Thị T và ông Mai Xuân Q là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Bà Vũ Thị T và ông Mai Xuân Q 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 28/11/1998; cháu Mai Xuân T, sinh ngày 27/01/2000 và cháu Mai Hương G, sinh ngày 10/10/2003. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002050 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Ông Mai Xuân Q không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

